TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số:221/2019/DS - ST
Ngày: 02/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huynh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đinh Thị Ngọc Châu
2. Ông Trần Quang Mẫn

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Hải Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận l, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận l, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên

Trong các ngày 28 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở của Toà án nhân dân Quận l, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1735/2016/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2016 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1905/2019/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2204/2019/QĐST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T; địa chỉ: X Lô A5 Chung cư Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q; địa chỉ: X đường Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt ông Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà cho ông Nguyễn Văn Q, đồng nghiệp của chồng bà là ông Bùi Quang B, vay tiền 02 lần bằng tiền thuộc sở hữu riêng của bà, tổng cộng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

Ngày 26/01/2015, vay 20 triệu đồng để sắm đồ Tết, hẹn 03 tháng sau sẽ trả. Ngày 20/3/2015, vay thêm 30 triệu đồng để sửa nhà, hẹn 20/10/2015 sẽ trả toàn bộ tiền vay là 50 triệu đồng. Cả 02 lần vay ông Q đều viết giấy mượn tiền và văn bản xác nhận.

Đến nay ông Q vẫn không trả khoản tiền đã vay, do đó, bà yêu cầu ông Q phải thanh toán 50 triệu đồng nợ gốc ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tự nguyện không yêu cầu ông Q trả lãi.

Ông Q sử dụng tiền vay cho nhu cầu cá nhân, không đúng mục đích vay nên bà không yêu cầu vợ ông Q có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo; vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, nhưng về thời hạn xét xử trễ hơn so với quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q trả khoản tiền đã vay là 50 triệu đồng nên tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong đơn khởi kiện, Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của Bị đơn là tại số X Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Lời khai của Nguyên đơn về nguồn gốc khoản tiền vay và về việc Bị đơn sử dụng tiền vay phù hợp với lời khai của ông Bùi Quang B và lời khai của vợ Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mộng T, nên việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông B, bà T. Do đó, Tòa án không đưa ông B, bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Bị đơn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Lời khai về việc cho vay và chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp là Giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2015 và biên nhận đề ngày 20/03/2015, phù hợp với lời khai của ông B, bà T. Theo đó, ông B và bà T biết ông Q đã vay và sử dụng tiền vay của bà T vào mục đích cá nhân. Do vậy, có cơ sở xác định bà T và ông Q đã xác lập các hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không lãi suất với tổng số tiền vay là 50 triệu đồng và hạn chót phải thanh toán toàn bộ tiền vay là ngày 20/10/2015. Các hợp đồng này có hình thức và nội dung phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được áp dụng để giải quyết vụ án.

[6] Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Nguyên đơn chỉ yêu cầu Bị đơn trả nợ gốc mà không yêu cầu trả lãi trong thời gian chậm trả. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn trả 50 triệu đồng nợ gốc ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Bị đơn phải chịu án phí là 2.500.000 đồng. Hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0004523 ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn Q trả cho bà Trần Thị Kim T 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đã vay theo Giấy mượn tiền đề ngày 26/01/2015 và 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đã vay theo văn bản xác nhận đề ngày 20/3/2015, tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng. Hoàn lại cho bà Trần Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0004523 ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Bà Trần Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận 1;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quang Huynh